

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ Y TẾ - BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ Y TẾ - BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2010/TTLT-BYT-
BNV-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009
của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác
ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là Nghị định số 64/2009/NĐ-CP);

Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi; phụ cấp thu hút; trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và trợ cấp tiền mua, vận chuyển nước ngọt và sạch đối với viên chức, lao động hợp đồng và cán bộ, nhân viên quân y trực tiếp làm chuyên môn y tế đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây

viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Viên chức, lao động hợp đồng (bao gồm cả viên chức y tế được tăng cường, luân phiên, biệt phái từ 01 tháng liên tục trở lên) trực tiếp làm chuyên môn y tế (sau đây gọi chung là viên chức y tế) tại các cơ sở y tế của Nhà nước, bao gồm: trạm y tế xã, phường, thị trấn; trạm y tế cơ quan, trường học; phòng khám đa khoa khu vực; nhà hộ sinh; trung tâm y tế; bệnh viện và các cơ sở y tế khác của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng là bác sỹ, dược sỹ, y sỹ, điều dưỡng (y tá), kỹ thuật viên y, kỹ thuật viên dược, dược tá (sau đây gọi chung là cán bộ, nhân viên quân y) trực tiếp làm chuyên môn y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước bao gồm: bệnh xá quân dân y, trạm y tế quân dân y, phòng khám quân dân y, phòng khám đa khoa quân dân y theo quyết định của cấp có thẩm quyền, xã chưa có trạm y tế mà đơn vị quân đội có chương trình kết hợp quân dân y do cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân công cán bộ, nhân viên quân y thường xuyên trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y trực tiếp làm chuyên môn y tế gồm các công việc sau: khám, điều trị, chăm sóc, phục vụ người bệnh; xét nghiệm phục vụ cho công tác chuyên môn y tế; chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng; bào chế, cấp phát: thuốc, vắc xin và sinh phẩm, hóa chất, môi trường nuôi cấy; phòng, chống dịch bệnh; y học lao động và vệ sinh môi trường; chỉ đạo tuyên; tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dân số - kế hoạch hóa gia đình; kiểm dịch y tế biên giới, kiểm nghiệm, kiểm định, giám định; nghiên cứu kỹ thuật y, dược học; bảo quản, trông coi xác và nhà xác; sửa chữa thiết bị y tế; súc rửa, hấp sấy tiệt trùng dụng cụ y tế và lái xe cứu thương.

5. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định tại các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

b) Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

c) Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1995 - 2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và các xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;

d) Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

đ) Các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi danh sách các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có).

6. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này công tác tại các xã thuộc các huyện nghèo (không gồm các xã quy định tại khoản 5 Điều này) theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo được áp dụng các chế độ trợ cấp, phụ cấp quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 2. Phụ cấp ưu đãi

1. Mức phụ cấp: Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y đang công tác tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng phụ cấp ưu đãi bằng 70% mức lương theo ngạch, bậc hoặc cấp bậc quân hàm hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Viên chức y tế được hưởng phụ cấp ưu đãi theo quy định tại Thông tư liên tịch này không hưởng phụ cấp ưu đãi quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở y tế của Nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BYT-BNV-BTC).

3. Mức tiền phụ cấp ưu đãi hàng tháng được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền} \\ \text{phụ cấp ưu} \\ \text{đãi được} \\ \text{hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{tối thiểu} \\ \text{chung} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số lương theo ngạch, bậc} \\ \text{hoặc cấp bậc quân hàm hiện} \\ \text{hưởng} + \text{hệ số phụ cấp chức} \\ \text{vụ lãnh đạo (nếu có)} + \% \text{ (quy} \\ \text{theo hệ số) phụ cấp thâm niên} \\ \text{vượt khung (nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức \% phụ} \\ \text{cấp ưu đãi} \\ \text{được hưởng} \end{array} \right)$$

Ví dụ 1. Bà Nguyễn Thị H là y sĩ Trưởng trạm y tế xã M ở vùng có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có hệ số lương 3,46 - bậc 9 ngạch y sĩ, hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,2. Bà H được hưởng phụ cấp ưu đãi tháng 10 năm 2009 như sau:

Mức tiền phụ cấp ưu đãi tháng 10/2009 = 650.000 đồng x (3,46 + 0,2) x 70% = 1.665.300 đồng.

Bà H đã được hưởng phụ cấp ưu đãi theo quy định tại Thông tư liên tịch này, nên bà H thôi hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BYT-BNV-BTC.

Ví dụ 2. Thiếu úy Nguyễn Văn A là bác sỹ có hệ số lương cấp bậc quân hàm sỹ quan 4,2 được cấp có thẩm quyền quyết định về nhận nhiệm vụ tại trạm y tế kết hợp quân dân y ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01 tháng 10 năm 2009. Thiếu úy A được hưởng phụ cấp ưu đãi tháng 10 năm 2009 như sau:

Mức tiền phụ cấp ưu đãi tháng 10/2009 = 650.000 đồng x 4,2 x 70% = 1.911.000 đồng.

4. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y không được hưởng phụ cấp ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian sau:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

b) Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không trực tiếp làm chuyên môn y tế liên tục trên 3 tháng (trừ các trường hợp đi học về chuyên môn y tế);

c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

d) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước;

đ) Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị đình chỉ làm chuyên môn y tế.

Điều 3. Phụ cấp thu hút

1. Mức phụ cấp: Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y hiện đang công tác hoặc được cấp có thẩm quyền điều động đến công tác (kể cả những người mới tốt nghiệp được cấp có thẩm quyền tuyển dụng) tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp thu hút bằng 70% mức lương theo ngạch, bậc hoặc cấp bậc quân hàm hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Mức tiền phụ cấp thu hút hàng tháng được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền} \\ \text{phụ cấp thu} \\ \text{hút được} \\ \text{hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{tối thiểu} \\ \text{chung} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số lương theo ngạch, bậc} \\ \text{hoặc cấp bậc quân hàm hiện} \\ \text{hưởng + hệ số phụ cấp chức} \\ \text{vụ lãnh đạo (nếu có) + \% (quy} \\ \text{theo hệ số) phụ cấp thâm niên} \\ \text{vượt khung (nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức \%} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{thu hút} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \end{array} \right)$$

3. Thời gian hưởng:

a) Phụ cấp thu hút được tính trả cho thời gian công tác thực tế của cán bộ, viên chức y tế và cán bộ, nhân viên quân y tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng thời gian được hưởng phụ cấp thu hút không quá 5 năm;

b) Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y không được hưởng phụ cấp thu hút trong các thời gian quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch này.

4. Thời điểm được hưởng:

a) Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y có quyết định điều động đến công tác (kể cả những người mới tốt nghiệp được cấp có thẩm quyền tuyển dụng) ở các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009 trở về sau thì thời điểm tính hưởng kể từ ngày đến nhận công tác tại cơ sở y tế.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn B là bác sĩ được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định điều động đến công tác tại trạm y tế xã K ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ông B được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

b) Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y đã công tác tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ trước ngày 15 tháng 9 năm 2009 và hiện vẫn tiếp tục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời điểm tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.

Ví dụ 4: Bà Trần Thanh C là y sĩ được cơ quan có thẩm quyền ký quyết định đến công tác tại Trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ

ngày 01 tháng 01 năm 2007 và công tác liên tục từ đó đến nay thì bà C được tính hưởng phụ cấp thu hút kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009. Bà C được hưởng phụ cấp thu hút theo quy định tại Thông tư liên tịch này tối đa là 05 năm (tức là đến ngày 14 tháng 9 năm 2014 nếu bà C tiếp tục công tác tại xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đến năm 2014).

Trường hợp bà C được điều động hoặc xin chuyển công tác đến cơ sở y tế không ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 hoặc xã đó hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn (ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135) từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì bà C không được hưởng phụ cấp thu hút từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 4. Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y đang công tác tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ tại các cơ sở đào tạo công lập được hỗ trợ:

- a) Tiền mua tài liệu học tập (không tính tài liệu tham khảo);
- b) 100% tiền học phí theo hóa đơn hoặc phiếu thu tiền của cơ sở đào tạo;
- c) Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, tết);
- d) Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian học tập trung;

đ) Tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

Các khoản chi này không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

2. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y đang công tác tại các cơ sở y tế của Nhà nước ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo kết quả phân loại đánh giá hàng năm của cơ quan có thẩm quyền thì được đơn vị tổ chức đi tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước mỗi năm 1 lần, tối đa không quá 15 ngày và được thanh toán tiền mua vé tàu, xe, tiền thuê chỗ ở và phụ cấp lưu trú theo chế độ công tác phí hiện hành và các chi phí phát sinh từ việc tổ chức đi tham quan thực tế, có đủ chứng từ hợp lệ và trong phạm vi dự toán được duyệt.

3. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y công tác tại các vùng dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tự học và sử dụng thành thạo

tiếng dân tộc thiểu số ở địa phương (bao gồm cả người dân tộc thiểu số tự học và sử dụng tiếng dân tộc thiểu số khác) để phục vụ công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, được cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp chứng chỉ hoặc xác nhận thì được hỗ trợ 01 lần tiền mua tài liệu và trợ cấp tiền bồi dưỡng cho việc tự học tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số. Mức chi cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/người đối với việc tự học 01 loại chữ viết và tiếng dân tộc thiểu số, không quá 5.000.000 đồng/người đối với việc tự học 02 loại chữ viết và tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 5. Trợ cấp tiền mua, vận chuyển nước ngọt và sạch

1. Viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y đang công tác và sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực sự thiếu nước ngọt và sạch theo mùa (gọi chung là vùng thiếu nước ngọt) được trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày sau khi trừ phần chi phí nước ngọt sinh hoạt đã tính trong tiền lương.

2. Vùng thiếu nước ngọt theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước hoặc có nhưng không đủ dùng để phục vụ cho sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm.

3. Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt:

a) Căn cứ để tính phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt cho một người bao gồm:

Định mức tiêu chuẩn: 6 mét khối/người/tháng (a);

Số tháng thực tế thiếu nước ngọt trong 1 năm (b);

Chi phí mua và vận chuyển 1 mét khối nước ngọt đến nơi ở và nơi làm việc của viên chức y tế và cán bộ, nhân viên quân y do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (c);

Giá nước ngọt được tính trong tiền lương là giá kinh doanh một mét khối nước sinh hoạt do cấp có thẩm quyền ở địa phương quy định (d).

b) Cách tính:

Mức trợ cấp được hưởng 1 tháng là: $a \times (c - d)$.

Mức trợ cấp được hưởng trong 01 năm là: $a \times (c - d) \times b$.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của các xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc quyền quản lý để quy định vùng thiếu nước ngọt, thời gian và mức hưởng trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt cho phù hợp.

Điều 6. Nguồn kinh phí và phương thức chi trả

1. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư liên tịch này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu của các cơ sở y tế từ các hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Riêng năm 2009 và 2010, kinh phí tăng thêm để thực hiện chính sách đối với viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch này được xử lý như sau:

a) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Ngân sách Trung ương bổ sung theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương;

b) Đối với các địa phương: Tổng hợp chung vào nhu cầu cải cách tiền lương và xử lý từ nguồn chi cải cách tiền lương theo quy định.

3. Phương thức chi trả:

a) Chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút quy định tại Thông tư liên tịch này được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng; các chế độ trợ cấp được trả một lần trong năm;

b) Các chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư liên tịch này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn;

c) Đơn vị trực tiếp quản lý, trả lương cho viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y có trách nhiệm chi trả các chế độ phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 7. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán

1. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch này thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Các khoản phụ cấp, trợ cấp quy định tại Thông tư liên tịch này được hạch toán theo Chương, loại, khoản tương ứng và các mục, tiểu mục như sau:

a) Phụ cấp ưu đãi được hạch toán vào mục 6.100, tiểu mục 6.112;

b) Phụ cấp thu hút được hạch toán vào mục 6.100, tiểu mục 6.103;

c) Các khoản trợ cấp:

Hỗ trợ học phí cho cán bộ đi học được hạch toán vào mục 6.150, tiểu mục 6.155;

Hỗ trợ tiền thuê nhà ở được hạch toán vào mục 6.700, tiểu mục 6.703;

Hỗ trợ phụ cấp đi lại được hạch toán vào mục 6.700, tiểu mục 6.701;

Hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập được hạch toán vào mục 7.000, tiểu mục 7.003;

Hỗ trợ tiền mua tài liệu và trợ cấp bồi dưỡng tiền tự học tiếng dân tộc được hạch toán vào mục 6.150, tiểu mục 6.155

Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt được hạch toán vào mục 6.250, tiểu mục 6.299.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các địa phương:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, trả lương cho viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y có trách nhiệm xét duyệt và lập dự toán kinh phí cho đối tượng theo Biểu số 1a, 1b, 2a, 2b ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp ngân sách hiện hành (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp);

b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm của các cơ sở y tế theo Biểu số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này gửi Sở Tài chính;

c) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm theo Biểu số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, lập báo cáo theo biểu số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này gửi Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Đơn vị trực tiếp quản lý, trả lương cho viên chức y tế, cán bộ, nhân viên quân y thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm theo Biểu số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này gửi cơ quan quản lý cấp trên cho tới Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp, lập báo cáo theo biểu số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này gửi Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2010.
2. Các chế độ quy định tại Thông tư liên tịch này được tính hưởng kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Y tế để phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Thăng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Xuyên

Biểu số 1a

Bộ, ngành hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
ĐƠN VỊ.....

CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ VÙNG CÓ
ĐIỀU KIỆN KTXH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO THÔNG TƯ
SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC NGÀY 22/3/2010
Năm: 2009 - 2010

Đơn vị: ngàn đồng

Số TT	Họ và tên	Trợ cấp tham quan học tập bồi dưỡng CM nghiệp vụ	Trợ cấp tự học tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số để phục vụ công tác	Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch			Tổng cộng phụ cấp trợ cấp năm...
				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng được hưởng	Kinh phí năm	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1	Họ và tên A						
2	Họ và tên B						
3	Họ và tên C						
						

Tổng biên chế đơn vị..... người.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Biểu số 2a

Bộ, ngành hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

ĐƠN VỊ.....

**CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KTXH ĐẶC BIỆT
KHÓ KHĂN THEO THÔNG TƯ SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC NGÀY 22/3/2010**

Năm: 2009 - 2010

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chi tiêu	Phụ cấp ưu đãi							Phụ cấp thu hút							Tổng cộng phụ cấp tăng thêm 1 tháng	Tổng phụ cấp tăng thêm năm	
		Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK			Hệ số phụ cấp ưu đãi			Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm 1 tháng	Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK			Hệ số phụ cấp thu hút			Chênh lệch phụ cấp thu hút tăng thêm 1 tháng			
		Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ	Hệ số phụ cấp ưu đãi mới	H.số phụ cấp ưu đãi 1 tháng		Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp thu hút cũ (nếu có)	Hệ số phụ cấp thu hút mới	Chênh lệch H.số phụ cấp thu hút 1 tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	Tổng số																	
1	Họ và tên A																	
2	Họ và tên B																	
3	Họ và tên C																	

Biểu số 2b

Bộ, ngành hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

ĐƠN VỊ.....

**CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ VÙNG THUỘC 62 HUYỆN NGHÈO
THEO QUY ĐỊNH TẠI TTLT SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC NGÀY 22/3/2010
(NGOÀI VÙNG KTXH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN)**

Năm: 2009 - 2010

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chi tiêu	Phụ cấp ưu đãi							Phụ cấp thu hút							Tổng cộng phụ cấp tăng thêm 1 tháng	Tổng phụ cấp tăng thêm năm
		Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK			Hệ số phụ cấp ưu đãi			Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm 1 tháng	Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK			Hệ số phụ cấp thu hút			Chênh lệch phụ cấp thu hút tăng thêm 1 tháng		
		Tổng số	Hệ số ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ	Hệ số phụ cấp ưu đãi mới	Chênh lệch H.số phụ cấp ưu đãi 1 tháng		Tổng số	Hệ số ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp thu hút cũ (nếu có)	Hệ số phụ cấp thu hút mới	Chênh lệch H.số phụ cấp thu hút 1 tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số																
1	Họ và tên A																
2	Họ và tên B																

Biểu số 3

Bộ, ngành hoặc UBND

**TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ
THEO THÔNG TƯ SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BTC NGÀY 22/3/2010**

Năm 2009 - 2010

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số cán bộ, viên chức y tế	Trợ cấp tham quan học tập bồi dưỡng CM nghiệp vụ	Trợ cấp tự học tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số để phục vụ công tác	Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch			Tổng cộng phụ cấp trợ cấp năm
					Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng được hưởng	Kinh phí năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng (I + II)							
I	Vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn							
1	Xã A							
1.1	Trạm y tế xã...							
1.2	Trạm y tế cơ quan, trường học...							
2	Xã B							
3	Xã							
							

1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Thuộc 62 huyện nghèo (ngoài vùng KTXH đặc biệt khó khăn)							
1	Xã A							
1.1	Trạm y tế xã...							
1.2	Phòng khám đa khoa...							
2	Xã B							
3	Xã							

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành hoặc UBND

**TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ THEO
THÔNG TƯ SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC NGÀY 22/3/2010
Năm 2009 - 2010**

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Phụ cấp ưu đãi								Phụ cấp thu hút								Tổng cộng phụ cấp tăng thêm 1 tháng	Tổng phụ cấp tăng thêm năm
		Tổng số đối tượng được hưởng	Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK		Hệ số phụ cấp ưu đãi			Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm 1 tháng	Tổng số đối tượng được hưởng	Hệ số lương NB và phụ cấp CV, VK		Hệ số phụ cấp thu hút			Chênh lệch tăng thêm 1 tháng				
			Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ	Hệ số phụ cấp ưu đãi mới			H. số phụ cấp ưu đãi 1 tháng	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Hệ số phụ cấp thu hút cũ (nếu có)		Hệ số phụ cấp thu hút mới	Chênh lệch H. số phụ cấp thu hút 1 tháng		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	Tổng số																		
I	Vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn																		
1	Xã A																		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1.1	Trạm y tế xã																		
1.2	Trạm y tế trường...																		
																		
2	Xã B																		
2.1	Trạm y tế xã																		
2.2	Trạm y tế trường...																		
																		
II	Thuộc 62 huyện nghèo (ngoài vùng KTXH đặc biệt khó khăn)																		
1	Xã A																		
1.1	Trạm y tế xã																		
1.2	Trạm y tế trường...																		
																		
2	Xã B																		
2.1	Trạm y tế xã																		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2.2	Trạm y tế trường...																		
																		

Ghi chú: Hệ số phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút tính bằng công thức: (Hs lương ngạch bậc + phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)) x tỷ lệ phụ cấp ưu đãi hoặc tỷ lệ phụ cấp thu hút.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành hoặc UBND

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC Y TẾ
THEO THÔNG TƯ SỐ 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC NGÀY 22/3/2010**

Năm 2009 - 2010

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số cán bộ, viên chức y tế	Phụ cấp, trợ cấp theo quy định tại TTLT số 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC	Phụ cấp ưu đãi, thu hút cũ	Kinh phí tăng thêm năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số					
I	Vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn					
1	Phụ cấp ưu đãi					
2	Phụ cấp thu hút					
3	Trợ cấp tham quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ					
4	Trợ cấp tự học bằng tiếng và chữ viết người dân tộc ít người					
5	Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt					

1	2	3	4	5	6	7
II	Thuộc 62 huyện nghèo (ngoài vùng KTXH đặc biệt khó khăn)					
1	Phụ cấp ưu đãi					
2	Phụ cấp thu hút					
3	Trợ cấp tham quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ					
4	Trợ cấp tự học bằng tiếng và chữ viết người dân tộc ít người					
5	Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt					

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)